

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 169/2017/DS-PT

Ngày: 26/7/2017

V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cua

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2017/TLPT-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2017/DS-ST, ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 139/2017/QĐPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1971

2.2. Ông Võ Văn T, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: bị đơn bà Lê Thị Cẩm L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 15/9/2014 âm lịch bà H có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Văn T làm chủ, cụ thể như sau:

Dây 01: Hụi khui ngày 10/01/2015, hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, gồm 37 người tham gia, mỗi tháng khui 02 lần. Đến ngày 20/01/2016, bà đóng cho bà L được 25 phần với số tiền là 90.000.000 đồng.

Dây 02: Hụi khui ngày 05/9/2014, hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, gồm 33 người tham gia, mỗi tháng khui 02 lần, bà H tham gia 01 phần. Đến ngày 20/01/2016, bà đóng cho bà L được 32 phần với số tiền là 58.000.000 đồng.

Dây 03: Hụi khui ngày 17/10/2015, hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, gồm 33 người tham gia, mỗi tháng khui 02 lần, bà H tham gia 02 phần. Đến ngày 20/01/2016, bà đóng cho bà L được 06 phần với số tiền là 18.600.000 đồng.

Dây 04: Hụi khui ngày 30/4/2015, hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, gồm 37 người tham gia, mỗi tháng khui 02 lần, dây hụi này là dây hụi do bà H mua của bà L với số tiền là 37.000.000 đồng. Tại dây hụi này bà L còn nợ bà số tiền là 37.000.000 đồng.

Dây 05: Hụi khui ngày 30/4/2015, hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, gồm 37 người tham gia, mỗi tháng khui 02 lần, bà H tham gia 02 phần. Đến ngày 20/01/2016, bà đóng cho bà L được 20 phần với số tiền là 30.800.000 đồng.

Dây 06: Hụi khui ngày 20/11/2015, hụi mệnh giá 500.000 đồng, gồm 33 người tham gia, mỗi tháng khui 03 lần, bà H tham gia 02 phần. Đến ngày 20/01/2016, bà đóng cho bà L được 06 phần với số tiền là 4.440.000 đồng.

Dây 07: Hụi khui ngày 02/12/2015, hụi mệnh giá 500.000 đồng, gồm 33 người tham gia, mỗi tháng khui 03 lần, bà H tham gia 02 phần. Đến ngày 20/01/2016, bà đóng cho bà L được 06 phần với số tiền là 4.440.000 đồng.

Dây 08: Hụi khui ngày 26/11/2015, hụi mệnh giá 100.000 đồng, gồm 22 người tham gia. Đến ngày 20/01/2016, bà đóng cho bà L được 26 phần với số tiền là 91.800.000 đồng.

Dây 09: Hụi khui ngày 30/11/2015, hụi mệnh giá 100.000 đồng, gồm 33 người tham gia, bà H tham gia 05 phần. Đến ngày 20/01/2016, bà đóng cho bà L được 41 phần với số tiền là 18.450.000 đồng.

Tổng cộng 09 dây hụi trên bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Văn T còn nợ bà số tiền vốn đã đóng là 353.530.000 đồng. Bà L làm chủ hụi để phục vụ kinh tế gia đình, ông T có rủ bà tham gia chơi hụi do bà L làm chủ, bà có lần đóng tiền hụi

cho ông T, bà L chơi hụi với bà là trong thời kỳ hôn nhân của bà L và ông T. Vì vậy, bà khởi kiện vợ chồng ông Võ Văn T và bà Lê Thị Cẩm L cùng liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi nêu trên.

Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu bà L và ông T liên đới trả số tiền nợ hụi tại 09 dây hụi là 423.700.000 đồng. Nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà H chỉ yêu cầu bà L và ông T cùng liên đới trả số tiền vốn nợ hụi tại 09 dây hụi trên với số tiền là 353.530.000 đồng.

Theo bản tự khai và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Cẩm L trình bày:

Vào năm 2015, bà làm chủ 09 dây hụi bà Võ Thị Thu H có tham gia như lời trình bày của bà H.

Bà thừa nhận hiện nay còn nợ hụi bà Võ Thị Thu H số tiền nợ hụi là 353.530.000 đồng.

Bà làm chủ hụi nhằm mục đích nuôi con ăn học và tiêu sài sinh hoạt gia đình, ông T không biết về số tiền này, nên qua yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu bà và chồng bà là ông Võ Văn T cùng liên đới trả số tiền nợ hụi là 353.530.000 đồng thì bà không đồng ý. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả 01 lần được nên bà xin trả dần số tiền nêu trên mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả xong nợ.

Theo bản tự khai bị đơn ông Võ Văn T trình bày:

Ông không biết gì về giao dịch chơi hụi giữa bà L và bà H. Ông không có thấy và ông không có biết bà H có đến nhà góp hụi. Ông không có nhớ có nhận tiền từ bà H. Việc chơi hụi giữa bà L với bất kỳ ai thì ông không biết, việc chơi hụi của bà L là ở ngoài chợ nên ông không có biết.

Ông và bà L cưới nhau vào năm nào thì ông không nhớ, ông và bà L có đăng ký kết hôn hay không thì ông cũng không nhớ, nếu có đăng ký kết hôn thì giấy tờ này đã mất do bão. Ông và bà L có 02 người con chung. Hiện nay ông và bà L vẫn sống chung nhà, từ khi bà L bẻ hụi thì ông và bà L thường xuyên cãi nhau.

Bà H yêu cầu ông cùng bà L trả số tiền nợ hụi là 353.530.000 đồng thì ông không đồng ý.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng các Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479, 298, 305 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 144/2006/NĐCP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí của tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H đối với bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Văn T về việc tranh chấp hợp đồng góp hui.

2/ Buộc bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Thu H số tiền hui là 353.530.000 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L và ông T chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/5/2017, bị đơn bà Lê Thị Cẩm L kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo của bà Lê Thị Cẩm L có nội dung không đồng ý với bản án sơ thẩm. Bà không đồng ý cùng ông T liên đới trả số tiền nợ 300 triệu đồng cho bà H. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Bà L thừa nhận có làm chủ hui và còn nợ bà H 353.530.000 đồng nên tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở. Bà L, ông T có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp, tiền nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Bà L sử dụng tiền nợ để sinh hoạt trong gia đình, lo cho con ăn học nên Tòa sơ thẩm buộc ông T liên đới cùng bà L trả nợ là có căn cứ. Bà L kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của bà Lê Thị Cẩm L và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Võ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Văn T có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hui tổng cộng là 353.530.000 đồng. Chứng cứ là sự thừa nhận của bà L với nội dung bà H có tham gia chơi hui do bà L làm chủ tổng cộng 09 dây với số tiền đã đóng là 353.530.000 đồng. Phía bà L cũng thừa nhận còn nợ bà H số tiền nợ hui nêu trên, đây là chứng cứ không cần

phải chứng minh. Bà L đồng ý trả cho bà H số tiền này nhưng không đồng ý liên đới cùng ông T trả nợ. Sau khi xét xử sơ thẩm bà L kháng cáo với lý do bà bị bệnh nhưng tòa sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bà là không đúng với quy định của pháp luật.

[2] Tòa sơ thẩm đã 02 lần triệu tập hợp lệ bà L và ông T đến dự phiên tòa nhưng bà L và ông T vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T là phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa, bà L cho rằng bà bị bệnh nên không đến tham dự phiên tòa được nhưng bà cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh bà bị bệnh, không thuộc trường hợp bất khả kháng nên không được xem xét chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm liên đới thì bà L cho rằng bà chơi hụi chồng bà là ông T không biết nhưng bà thừa nhận mục đích bà chơi hụi là để có tiền lo cho sinh hoạt gia đình, nuôi cho con ăn học. Hơn nữa, bà L và ông T có đăng ký kết hôn nên là vợ chồng hợp pháp. Số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên đây là nợ chung của vợ chồng. Tòa sơ thẩm buộc bà L và ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền nợ hụi 353.530.000 đồng là phù hợp.

Bà L kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì chứng minh nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Cẩm L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Cẩm L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST, ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 479, 298, 305 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 144/2006/NĐCP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biểu, phường; Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H đối với bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Văn T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

2/ Buộc bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Thu H số tiền hụi là 353.530.000 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L và ông T chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Văn T phải liên đới chịu 8.838.000đ (Tám triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Võ Thị Thu H số tiền 10.474.000đ (Mười triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010196 ngày 15/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Cẩm L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0005662 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng

